

# TÍNH CÁCH VĂN HÓA NGƯỜI NAM BỘ NHƯ MỘT HỆ THỐNG

GS.Trần Ngọc Thêm

*Bài viết này công bố lần đầu với tên gọi "Tính cách văn hoá Nam Bộ" tại Hội thảo "Đồng bằng sông Cửu Long: thực trạng và giải pháp để trở thành vùng trọng điểm phát triển kinh tế giai đoạn 2006-2010" do Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thuộc Đại học Quốc gia Tp. HCM tổ chức năm 2006 và in trong sách cùng tên do NXB ĐHQG Tp.HCM xuất bản năm 2006. Công bố lần hai (có sửa chữa và bổ sung) với tên gọi "Tính cách văn hoá Nam Bộ như một hệ thống" tại Hội thảo "Nam Bộ thời kỳ cận đại" do Bộ khoa học và công nghệ phối hợp với Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam tổ chức tại thành phố Cần Thơ ngày 4-3-2008.*

## I - CÁC TIỀN ĐỀ LÝ LUẬN

### 1. Dẫn nhập

Có không ít người đã bàn về tính cách văn hoá người Việt Nam Bộ, song đều là những nhận xét rời rạc, cảm tính, do vậy còn thiếu sức thuyết phục. Bài này nhằm chỉ ra tính hệ thống của các tính cách ấy trong giới hạn không gian là vùng Nam Bộ với trọng tâm là miền Tây, và giới hạn thời gian chủ yếu là từ khi người Việt khai phá Nam Bộ (tk. XVII) cho đến giữa tk. XX (những sự kiện xảy ra trước tk. XVII hoặc thuộc giai đoạn hiện đại có nhắc đến là để so sánh đối chiếu).

Phương pháp nghiên cứu được sử dụng trong nghiên cứu này là phương pháp hệ thống - loại hình kết hợp với phương pháp sử dụng tư liệu dân gian và phương pháp định lượng. Về phương pháp sử dụng tư liệu dân gian (ca dao, tục ngữ, thành ngữ, quán ngữ, v.v.) cần nói thêm rằng do phải đáp ứng mọi nhu cầu của người dùng nên văn hoá dân gian có tính lưỡng khả: trong khi có câu tục ngữ khẳng định điều này thì thường cũng có câu tục ngữ khác khẳng định điều ngược lại. Vì vậy, khi sử dụng phương pháp này, chúng tôi áp dụng quy trình sau: khi thấy một tư liệu dân gian với nội dung A thì không dừng lại ở tư liệu đơn độc đó mà đồng thời (1) tìm kiếm toàn bộ các tư liệu dân gian có nội dung A tương tự, và (2) tìm kiếm toàn bộ các tư liệu dân gian có nội dung ngược lại với A. Nếu kết quả có số lượng tương đương thì ta có hiện tượng lưỡng khả cân (vd: *Một giọt máu đào hơn ao nước lã* >< *Bán anh em xa mua láng giềng gần*). Còn nếu kết quả cho số lượng khác biệt rõ rệt thì ta có hiện tượng lưỡng khả lệch (vd: trong khi có một câu tục ngữ (gốc Việt) Một trăm con gái không bằng hòn dái con

trai, thì ngoài câu tương ứng là *Một trăm con trai không bằng dái tai con gái*, còn có hàng loạt tư liệu dân gian khác khẳng định vai trò của phụ nữ, như: *Nhất vợ nhì trời; Ruộng sâu trâu nái không bằng con gái đầu lòng; Tam nam bất phú, tứ nữ bất bần; Con hư tại mẹ, cháu hư tại bà; Phúc đức tại mẫu*; vai trò của chữ cái, v.v.). Chính khả năng có tần số xuất hiện cao hơn là khả năng đại diện và đủ cơ sở thể hiện đặc trưng tính cách của văn hoá. Bên cạnh tính lưỡng khả, còn có ý kiến cho rằng các tư liệu dân gian *hài hước* không có giá trị sử dụng. Lo ngại này là không có cơ sở, vì hài hước chỉ là hình thức thể hiện, còn bản chất của mọi tư liệu dân gian là đều phản ánh hiện thực, vì vậy vấn đề chỉ là ở chỗ ta sử dụng tư liệu đó vào mục đích nào. Ví dụ, nếu dùng câu ca dao Nam Bộ "*Ra đi gặp vịt cũng lùa, Gặp duyên cũng kết, gặp chùa cũng tu*" để chứng minh rằng người Nam Bộ "bạ gì làm nấy" thì sai, vì các hành động ở đây chỉ là hình thức, là cách diễn đạt hài hước một phẩm chất tinh thần là tính năng động, khả năng dễ thích nghi, dễ thay đổi chỗ ở, nghề nghiệp, v.v. (với rất nhiều biến thể khác nhau).

## 2. Nguồn gốc tính cách văn hóa người Việt Nam Bộ

Tính cách văn hóa người Việt Nam Bộ là sản phẩm tổng hợp của ba nhân tố chính: truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam tiếp biến với văn hóa phương Tây trong bối cảnh tự nhiên - xã hội Nam Bộ.

Tính cách **truyền thống** của **văn hoá Việt Nam**, theo chúng tôi[1], có năm đặc trưng chính: (a) Thiên về âm tính; (b) Ưa hài hòa; (c) Tính tổng hợp; (d) Tính cộng đồng; và (e) Tính linh hoạt.

**Bối cảnh tự nhiên - xã hội của Nam Bộ** được tạo nên bởi bốn hằng số:

Hằng số 1: Nam Bộ là nơi gặp gỡ của những điều kiện tự nhiên thuận tiện: gần xích đạo nhưng mùa hè không quá nóng và ẩm như miền Bắc ở sâu trong lục địa, không quá khô và quanh năm không bao giờ bị bão lớn như miền Trung.

Hằng số 2: Nam Bộ là nơi gặp gỡ của các tuyến giao thông đường biển quốc tế: Việt Nam với Đông Nam Á; Việt Nam với thế giới phương Tây; ngã ba đường Thái Bình Dương - Ấn Độ Dương.

Hằng số 3: Nam Bộ là nơi gặp gỡ của cư dân nhiều tộc người (Việt, Hoa, Chăm, Khmer...), đến từ khắp mọi miền đất nước (Bắc-Trung-Nam) và khu vực. Mức độ "tứ xứ" cao nhất nước: *Anh về Bình Định thăm cha, Phú Yên thăm mẹ, Khánh Hòa thăm em*.

Hằng số 4: Văn hoá Nam Bộ là sản phẩm của quá trình dương tính hóa trong không gian và thời gian. Nó là khâu cuối cùng trong quá trình dương tính hóa trong không gian: từ Bắc qua Trung vào Nam. Nó cũng là khâu cuối cùng trong quá trình dương tính hóa trong thời gian: từ lớp văn hóa bản địa qua lớp văn hóa giao lưu với Trung Hoa đến lớp văn hoá giao lưu với phương Tây.

Tính cách **văn hoá phương Tây** ảnh hưởng tới Nam Bộ có: (a) tính mở, thoáng; (b) tính năng động; (c) tính thực dụng.

Ba nhân tố này tạo thành một hệ toạ độ, trong đó hình thành nên hệ thống **năm đặc trưng tính cách văn hoá Nam Bộ**: tính sông nước, tính bao dung, tính năng động, tính trọng nghĩa, tính thiết thực.

## II- CÁC ĐẶC TRƯNG TÍNH CÁCH

### 1. Tính sông nước

Người Việt - tộc người chủ đạo của văn hoá Việt Nam - cư trú ở những vùng đồng bằng sông nước, tạo nên một thứ văn hoá nông nghiệp lúa nước, nền tảng của văn hoá Việt Nam. Tây Nam Bộ là vùng sông nước kênh rạch điển hình nhất. Địa hình sông nước và đồng bằng cộng với khí hậu nắng nóng và gió mùa tạo nên một Nam Bộ là nơi gặp gỡ của những điều kiện tự nhiên thuận tiện.

*Nơi gặp gỡ của những điều kiện tự nhiên thuận tiện, đồng thời cũng là nơi gặp gỡ của các tuyến giao thông đường biển quốc tế, trên nền tảng đặc trưng thiên về âm tính của tính cách dân tộc tạo thành TÍNH SÔNG NƯỚC của văn hoá Nam Bộ: Mắm trước, được sau, tràm theo sát, Sau hàng dừa nước, mái nhà ai; Chồng chài, vợ lười, con câu, Thằng rể đóng đày, con dâu ngồi nò (ca dao Nam Bộ).*

Tính sông nước dẫn đến các hệ quả sau:

Thứ nhất là ở Nam Bộ, đặc biệt là miền Tây, giao thông đường thủy rất phát triển. Kênh rạch được coi là "lộ", là "đường". Nhà nhìn ra kênh rạch coi là "nhà mặt tiền quay ra lộ". Trịnh Hoài Đức ghi nhận: "Ở Gia Định, chỗ nào cũng có ghe thuyền, hoặc dùng thuyền làm nhà ở, hoặc để đi chợ, hoặc để đi thăm người thân thích, hoặc chở gạo củi đi buôn bán rất tiện lợi. Ghe thuyền chạt sông, ngày đêm đi lại không ngớt, cho nên nhiều khi đụng chạm nhau, bị hư hại rồi sinh ra kiện cáo" [Trịnh Hoài Đức 1820/1998].

Ở Tây Nam Bộ có rất nhiều loại ghe xuồng; nghề đóng và sửa ghe thuyền là nghề rất quan trọng và được chuyên môn hóa cao. Các thợ giỏi quy tụ vào các trại làm ghe hoặc trại sửa chữa ghe. Trại ghe Cần Đước (An Giang) hoặc trại sửa chữa ghe Nhà Bè là những cơ sở rất nổi tiếng. Gia Định xưa bán ghe cho cả những vùng rất xa: hàng năm lái buôn ở châu Bó Chính (Quảng Bình) vào Gia Định đặt mua hàng trăm chiếc thuyền lớn mang ra bán lại. Vẽ mắt thuyền là tục bắt buộc ở Nam Bộ [Nguyễn Công Bình... 1990: 304; Thạch Phương... 1992: 188-190].

Giao thông và pháp luật đều là những lĩnh vực mà Việt Nam nông nghiệp vốn rất kém phát triển. Thế nhưng riêng trong lĩnh vực giao thông đường thủy thì ở Gia Định đã đặt ra luật lệ đi trên sông trước cả châu Âu. Trịnh Hoài Đức ghi: "ghe thuyền bắt lượn gặp gió nước thuận hay nghịch, khi đi gần nhau thì phải hô "bát", ghe mình phải đi qua hữu, ghe kia cũng phải đi theo bên hữu, để cho thuận lái, thuận sào, để điều khiển mà tránh nhau" [Trịnh Hoài Đức 1820/1998].

Thứ hai là thủy sản và các loại động thực vật sông nước là thức ăn chủ lực của người Nam Bộ. Đồng bằng sông Cửu Long có tới hơn 200 loại cá, trong đó 30 giống có giá trị kinh tế cao [Nguyễn Công Bình... 1990: 341-342]. Từ cá, người ta chế biến thành rất nhiều món ăn khác nhau theo hàng chục cách (luộc, kho, chiên, nướng, hấp, nấu chua, nấu ngọt, làm gỏi, làm chả, làm khô, làm mắm...). Cá lóc nướng trui ngay tại trận bày lên lá sen cuốn với rau sống chấm muối tiêu là cách ăn đầy phong vị Nam Bộ [Thạch Phương... 1992: 50]. *Má ơi, con vịt chết chìm, Thò tay con vớt, cá lìm kìm cắn con* (ca dao).

Cá đã tạo nên một món ăn ắt phổ biến ở Nam Bộ là mắm. Trịnh Hoài Đức từng nhận xét: "người Gia Định thích ăn mắm" [mục *Phong tục chi*]. Bữa cơm mắm của một điền chủ Nam Bộ tiếp khách có thể rất tốn kém. Mắm tôm chà Gò Công từng là vật tiến vua [Thạch Phương... 1992: 53].

Ở Nam Bộ còn có nhiều những món ăn đặc sản sông nước khác như ếch, rùa, rắn, lươn... Ai cũng biết tới món *lẩu lươn* nổi tiếng. Trước đây, những nhà khá giả còn làm thịt cá sấu để đãi khách; đuôi sấu luộc chấm mắm nêm ăn với chuối chát là món ngon nhất. Ở Nam Bộ, vịt được ưa chuộng hơn hẳn so với gà, vì vịt là loại gia cầm thích hợp với môi trường sông nước. Hình ảnh đàn vịt với chiếc xuồng là đôi bạn gắn bó. Ba món trong cỗ tam sanh của dân Nam Bộ thì đã có tới hai món sản phẩm sông nước rồi là cua và trứng vịt[2] [Nguyễn Công Bình... 1990: 347-350].

Sông nước tạo nên một Nam Bộ nhiều lúa gạo đến mức có câu hò nổi tiếng: *Hò ơ, Cái Răng, Ba Láng, Vàm Săng, Phong Điền; Anh có thương em thì cho bạc cho tiền, Đùng cho lúa gạo, xóm giềng cười chê...*

Thứ ba là phương ngữ Nam Bộ rất giàu các từ ngữ chỉ các sự vật, khái niệm liên quan đến nước mà trong tiếng Việt toàn dân không có. Chỉ tính riêng các từ đơn đã có: *rạch, xẻo, lảng, xáng, lung, bung, bùng, bàu, đĩa* (nơi chứa nước); *cù lao, cồn, bãi, bưng, biền, trấp* (vùng đất có nước bao quanh); *rong, nhùng, ương, giụt, ròng* (sự vận động của nước); *ghe, xuồng, tam bản, vỏ lái, tấc ráng* (phương tiện vận chuyển)... [Trần Xuân Ngọc Lang 1995: 89-98; Nguyễn Công Bình... 1990: 31].

Thứ tư là sông nước trở thành cơ sở, hình ảnh để diễn đạt tính cách con người. Trong khi người Việt miền Bắc nói *chớ thấy sóng cả mà rã tay chèo* thì người Việt ở Nam Bộ nói: *Hãy cho bèn chỉ câu cua, Dầu ai câu trạch, câu rùa mặc ai*. Người con trai

Nam Bộ tỏ tình: Nước chảy liu riu, lục bình trôi liu riu, Anh thấy em nhỏ xíu anh thương. Để giải bày tình cảm của mình, người con gái Nam Bộ nói: Chiếc thuyền kia nói có, chiếc ghe nọ nói không, Phải chi miếu ở gần sông, Em thề một tiếng kẻo lòng anh nghi.

## 2. Tính bao dung

Tính bao dung Nam Bộ có nguồn gốc từ tính tổng hợp và đặc trưng thiên về âm tính của truyền thống văn hóa dân tộc, đặt trong bối cảnh nơi gặp gỡ của những điều kiện tự nhiên thuận tiện. Ba trong bốn hằng số văn hóa Nam Bộ đều mang tính tổng hợp rồi: Hằng số 1 (là nơi gặp gỡ của những điều kiện tự nhiên thuận tiện), hằng số 2 (là nơi gặp gỡ của các tuyến giao thông đường biển quốc tế), hằng số 3 (là nơi gặp gỡ của cư dân nhiều tộc người đến từ khắp mọi miền đất nước và khu vực). Rau sống Nam Bộ là sự tổng hợp của rất nhiều loại rau[3]. Thịt kho Nam Bộ gồm thịt heo kho với nước dừa xiêm và hạt vệt.

Tính bao dung tạo nên các hệ quả sau:

Thứ nhất là vào thời khai phá, các tộc người ở xen lẫn nhau mà vẫn thừa nhận và tôn trọng phong tục tập quán của nhau. Theo Trịnh Hoài Đức trong Gia Định thành thông chí: "Gia Định là đất phương Nam của nước Việt. Khi mới khai thác, lưu dân nước ta cùng người kiều ngụ như người Đường [Hoa], người Cao Miên, người Tây phương, người Phú-lang-sa [Pháp], người Hồng Mao [Anh], Mã Cao, người Đồ Bà [Java] ở lẫn lộn, nhưng về y phục, khí cụ thì người nước nào theo tục nước ấy" [Trịnh Hoài Đức 1820/1998: q. IV].

Thứ hai là các tôn giáo khác nhau vẫn tôn trọng nhau và cùng tồn tại với mật độ cao nhất nước. Ngay từ thời Phù Nam đã có sự dung hòa đạo Phật với đạo Bà-la-môn; trong đạo Bà-la-môn, người Phù Nam tổng hợp hai thần Visnu và Siva thành thần Harihara với đầu hai nửa, một nửa là mặt Siva và nửa kia là mặt Visnu [Nguyễn Công Bình... 1990: 157]. Thời người Việt, dung hòa Tam giáo với tín ngưỡng dân gian. Lục Vân Tiên xuất thân là Nho sinh, khi gặp nạn thì nương nhờ cửa Phật, được ông Cọp và Sóng Thần cứu giúp (tín ngưỡng dân gian), rồi cuối cùng được Tiên ông (Đạo) chữa mắt sáng lại. Hiện nay thì dung hòa mọi tôn giáo: đạo Phật, đạo Thiên Chúa, đạo Tin Lành, đạo Bà-la-môn, đạo Hồi, đạo Hoà Hảo, đạo Cao Đài. Nam Bộ là nơi có số lượng tôn giáo phong phú nhất nước.

Thứ ba là người Việt Nam Bộ dung nạp được những tính cách trái ngược nhau với biên độ khá rộng: Làm thì làm chết thôi, chơi thì chơi xả láng. Thương thì thương mót mùa, ghét thì ghét mẫn kiếp. Khi không ưng thì cạy miệng cũng không nói, lúc đã thuận tình thì mở gan ruột cho xem. Lúc có thì cơm gà cá gỏi đãi bạn, khi túng thì cháo hoa rau mắm cũng xong. Ăn lạt thì thiệt lạt (cua luộc, cá luộc, tôm luộc...) mà mặn thì thiệt mặn (mắm nguyên chất). Hệ quả này làm cho tính cách Nam Bộ có phần cực đoan,

khác hẳn với tính ưa hài hoà, nước đôi (*Làm trai nước hai mà nói*) của người Việt truyền thống và Bắc Bộ.

### 3. Tính năng động

Tính năng động của người Việt Nam Bộ là một đặc tính rất đặc biệt. Trong bối cảnh một trong những đặc trưng cơ bản của văn hoá truyền thống Việt Nam là *thiên về âm tính*, tính năng động là sản phẩm sự kết hợp của một loạt yếu tố.

Thứ nhất, tuy thiên về âm tính, nhưng người Việt truyền thống cũng đã có sẵn *tính linh hoạt*, mặc dù đó là cái linh hoạt "cò con", lanh lợi, biến báo. Song không có cái linh hoạt từ trong máu thịt ấy của người Việt thì không thể có tính năng động Nam Bộ hôm nay. Có thể nói, tính năng động là *bước phát triển mới* của tính linh hoạt truyền thống ở địa bàn Nam Bộ.

Thứ hai, *tính tổng hợp* truyền thống của văn hóa dân tộc, tổng hợp lợi thế là nơi gặp gỡ của các tuyến giao thông đường biển quốc tế, nơi gặp gỡ của cư dân nhiều tộc người, cùng các yếu tố khác đã góp phần quan trọng tạo nên tính năng động.

Thứ ba, tính năng động hơn đâu hết thừa hưởng được lợi thế của việc Nam Bộ là sản phẩm của *quá trình dương tính hoá*: Nam Bộ là nơi gặp gỡ của ba trục chuyển dịch từ tĩnh tới động - trục chủ thể, trục thời gian và trục không gian.

Trên trục chủ thể, có thể nói những lưu dân đầu tiên từ miền Trung đi vào Nam Bộ là những hạt giống được chọn lọc tự nhiên một cách đặc biệt: Họ hoặc là những người thuộc tầng lớp cùng đinh nghèo khó nhưng thông minh, những kẻ tù tội, hoặc là những người thuộc tầng lớp trí thức bất đắc chí - trong bất cứ trường hợp nào, tất cả họ đều có một điểm giống nhau là bản lĩnh, ngang tàng. Họ là những người *dương tính nhất* trong số những người Việt Nam âm tính.

Trên trục thời gian, từ quá khứ xa là *âm tính* (do quá trọng tình nên đóng cửa để bảo tồn, kiểu *ta về ta tắm ao ta*), qua quá khứ gần là *hài hòa thiên về âm tính* (trọng tình hơn lý, trọng ổn định hơn phát triển, lấy bảo tồn làm chính, kiểu *giấy rách phải giữ lấy lề*), đến hiện tại là *hài hòa có khuynh hướng thiên về dương tính* (trọng có lý có tình, chính sách mở cửa, coi phát triển là chính).

Trên trục không gian, ban đầu trung tâm động nằm ở Bắc Bộ (văn hoá Đông Sơn, văn hoá Đại Việt); đến thời Nguyễn trung tâm động chuyển vào Trung Bộ (kinh đô Huế, các thành phố cảng ven biển miền Trung); hiện nay với kinh tế thời mở cửa, trung tâm động nằm ở Nam Bộ (điển hình là Tp. HCM và Đông Nam Bộ).

Sự hình thành văn hoá Nam Bộ, trong cả thời gian lẫn không gian, đã gặp *tính mở - thoáng và tính năng động của phương Tây*. Về không gian, Nam Bộ là cửa ngõ của Việt



Nam tiếp xúc với các luồng giao thông đường biển từ phương Tây tới. Về thời gian, thời điểm hình thành văn hoá Nam Bộ trùng với thời điểm văn hoá phương Tây thâm nhập vào Việt Nam, mà nơi đầu tiên thâm nhập vào chính là Nam Bộ.

Tính năng động Nam Bộ có biểu hiện rất đa dạng.

Trước hết, nó thể hiện ở khả năng đổi thay đổi cách sống. Những người Việt bỏ quê hương ra đi là đã chấp nhận cuộc sống đầy biến động, họ từ bỏ cuộc sống khép kín trong các lũy tre làng Bắc và Trung Bộ để ở trong những làng xóm mở Nam Bộ, nơi không có lũy tre, cánh cổng; nhà cửa không tụ lại mà tản ra dọc theo những con kênh, con lộ để tiện làm ăn.

Thứ hai, nó thể hiện ở khả năng đổi thay đổi chỗ ở. Với bản chất nông dân, người Việt dù Bắc hay Nam đều có nguyện vọng muốn yên ổn làm ăn (hội làng ở khắp mọi nơi đều có lễ "kỳ yên" - âm đọc chệch của "cầu an"), Vào Nam Bộ, họ cùng nhau lập làng, ổn định cuộc sống. Song nếu như cuộc sống đó có chỗ chưa hài lòng thì họ rất dễ dàng di chuyển đi tìm nơi khác, bởi lẽ đã di chuyển cả một chặng đường dài từ miền Trung vào còn được, thì di chuyển thêm chút nữa ăn nhằm gì! Khác hẳn văn hoá Bắc Bộ coi rể dân ngụ cư, văn hoá Nam Bộ đánh giá cao những con người bản lĩnh, dám chấp nhận di chuyển: *Làm trai cho đáng nên trai, Phú Xuân cũng trải, Đồng Nai đã từng*. Theo Léopold Pallu trong "*Histoire de l'expédition de Cochichine en 1861*" (Paris, Hachette, 1864), "Tại Nam Kỳ, một làng có thể tan rã trong tay anh với tốc độ nhanh như lúc nó hội tụ lại... Một gia đình ra đi với đàn trâu ở phía trước, mang theo những đồ dùng ít ỏi của mình trên một chiếc xe hoặc một chiếc thuyền. Và vì đi khắp nơi đều có đất để trồng trọt và cây cối để dựng nhà, ít khi họ bị lúng túng bởi các vấn đề ăn ở" [dẫn theo Trần Văn Giàu... 1998: 116].

Thứ ba, nó thể hiện ở khả năng đổi thay đổi nghề nghiệp: *Ra đi gặt vịt cũng lùa, Gặp duyên cũng kết, gặp chùa cũng tu; Ra đồng gặt vịt thì lùa, Gặp cướp thì đánh, gặp chùa thì tu*.

Tính năng động dẫn đến những hệ quả sau:

Hệ quả thứ nhất của tính năng động là khả năng đổi tiếp nhận cái mới. Trong ẩm thực, các món ăn như lẩu, mì xào, hủ tiếu xào là tiếp thu của người Hoa; những món cà ri dê, cà ri gà là tiếp thu từ người Chăm Hồi giáo. Trong phong tục, người Việt cũng hỏa thiêu và gửi tro trong tháp chùa theo cách của người Khmer; người Khmer cũng chôn huyết đất theo cách của người Việt. Trong tôn giáo tín ngưỡng, ngoài các đạo Cao Đài, Hoà Hảo, người Nam Bộ còn chấp nhận cả nhiều đạo kỳ lạ như đạo Dừa, đạo Chuối, đạo Ngồi... Hầu như mọi yếu tố mới tiếp nhận từ phương Tây đều qua Nam Bộ mà vào Việt Nam. Đây là nơi có phong trào Âu hóa y phục sớm nhất nước với bộ veston, sơ mi cổ cồn, cổ đeo cà vạt, chân đi giày mốt ngóe. Ông Địa Nam Bộ cũng dễ dàng theo thời mà chuyển qua hút thuốc đầu lọc ba số, uống cà phê điểm tâm...

Hệ quả thứ hai của tính năng động là tính sáng tạo. Do linh hoạt nên cái mới tiếp thu vào nhanh chóng được cải tiến, thích nghi. Thời Phù Nam, một số tượng Di Lặc, Quan Âm đã được địa phương hóa bằng cách cho mang xà rồng che tới đùi hoặc hết chân [Nguyễn Công Bình... 1990: 160]. Bộ trang phục tiếp nhận của người Malaixia được cải biên bằng áo cài nút giữa và quần hai ống thành bộ "bà ba" cho thích hợp với phong thổ Nam Bộ. Trong sản xuất, các dụng cụ như "nóp", "cà ràng" (bếp lò) vốn của người Khmer đã được người Việt sử dụng và cải tiến thành công cụ của mình.

Hệ quả thứ ba của tính năng động là sự phát triển của thương nghiệp. Do vị trí đặc biệt nằm ở giao điểm của các luồng giao thông (hàng số 2) mà từ thời Phù Nam, thương nghiệp đã rất phát đạt. *Lương thư* viết: "các nước ngoài biên cảnh đi lại buôn bán rất thường xuyên... Chợ ở đây là chốn Đông Tây giao hội; mỗi ngày có hơn vạn người". *Tấn thư* cũng viết: "Thuế má trong nước [Phù Nam] được trả bằng vàng, bạc, ngọc trai, trầm hương" [Nguyễn Công Bình... 1990: 141-142]. Trong khi truyền thống Bắc Bộ coi nghề buôn là xấu thì người Nam Bộ chấp nhận và khuyến khích buôn bán: *Đạo nào vui bằng đạo đi buôn, Xuống biển lên nguồn, gạo chợ nước sông*. Nhờ vậy mà tạo nên được một nền kinh tế hàng hóa sớm nhất nước (Nam Kỳ là trung tâm buôn bán, đưa lúa gạo đi khắp nơi).

Hệ quả thứ tư của tính năng động là khả năng dám làm ăn lớn. Đây là nơi tiếp nhận kinh tế thị trường đầu tiên, là nơi "xé rào" "bung ra" đầu tiên. Phần lớn những chủ trương lớn trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đều xuất phát từ Tp. Hồ Chí Minh và Nam Bộ.

#### 4. Tính trọng nghĩa

Tính trọng nghĩa của người Việt Nam Bộ bắt nguồn từ *tính trọng tình* (một sản phẩm của đặc trưng thiên về âm tính) và *tính cộng đồng* của truyền thống văn hóa dân tộc, đặt trong bối cảnh *noi gập gờ của cư dân nhiều tộc người*.

Tính trọng tình hình thành trong môi trường làng xã khép kín của Bắc Bộ với những người sống ổn định, quen biết nhau rất rõ, có nhu cầu tương trợ giúp đỡ lẫn nhau. Trong khi đó thì Nam Bộ là đất của dân tứ xứ, con người không quen biết nhau, nhưng cũng có nhu cầu tương trợ giúp đỡ lẫn nhau, do vậy cơ sở của quan hệ giữa họ ở đây không phải *tình* mà là *nghĩa*. Hơn thế nữa, Nam Bộ còn là đất của những lưu dân bần cùng, những người đi đày vô sản (khác với nông dân Bắc Bộ hữu sản), bởi vậy mà người Nam Bộ liêu lĩnh, đầy nghĩa khí, bởi vậy mới hình thành nên tính trọng nghĩa khinh tài.

Người nông dân Nam Bộ hay *uống máu ăn thề*, hay kết nghĩa huynh đệ *đồng sinh đồng tử*. Họ coi cái chết "nhẹ tựa lông hồng", có khí thế ngang tàng *nhất phá sơn lâm, nhì đâm hà bá*. Lục Vân Tiên tay không bẻ cây đánh cướp để giải thoát Nguyệt Nga (người Nam Bộ rất thích và thuộc "Lục Vân Tiên" chính là do tính trọng nghĩa này). Anh



hùng Nguyễn Trung Trực khẳng khái: "Bao giờ hết cỏ nước Nam, thì dân Nam mới hết người đánh Tây".

Tính trọng nghĩa khinh tài khiến người Nam Bộ coi nhẹ tiền tài, của cải vật chất: Theo nhau cho trọn đạo trời, Dẫu không có chiếu trải tơi mà nằm. Trong tình yêu người Nam Bộ rất quyết liệt và ngang tàng: Dao phay kẻ cổ, máu đổ không màng, Chết tôi tôi chịu, buông nang không buông; Đói đi tu, đói xin ở sãi, Ăn đĩa tương chùa trọn ngãi cùng nhau; Đói lú ta thương nhau, thương dại thương dột, Thương lột da óc, thương tróc da đầu, ngủ đi thì chó, thức dậy lại thương. Người con trai Nam Bộ khá liều lĩnh: Gió đưa buồn ngủ lên bờ, mừng cô em có rộng, cho ngủ nhờ một đêm; Nước Tân Ba chảy qua Vàm Cú, thấy bộ em chèo cặp vú muốn hun; Rượu ngon cái cặn cũng ngon, Thương em bất luận chồng con mấy đời. Người con gái cũng bạt mạng không kém: Cầu cao, ván yếu, bước rung, Anh thương em thì thương đại, ngại ngừng thì đừng thương; Anh về em nắm vạt áo em la làng, Phải để chữ thương chữ nhớ giữa đàng lại cho em; Dao phay chín ngọn, em bắt trọn có một mình, Chết em chịu chết, biểu buông mình em không buông; Anh có tiền dư cho em một đồng, Em về mua gan công, mật cóc thuốc chồng rồi em theo anh.

Hệ quả thứ nhất của tính trọng nghĩa là tính hào hiệp, sống hết mình, sẵn sàng đùm bọc, sẻ chia, kiểu hôm nay có tiền thì dốc túi đãi nhau, ngày mai thiếu thì tính sau. Bởi người Nam Bộ có tính hào hiệp, thích làm việc thiện nên đất Nam Bộ mới là nơi có sáng kiến phát động phong trào "xây nhà tình nghĩa" (từ năm 1982), "xóa đói giảm nghèo" (từ năm 1992). Cầu truyền hình "Tết làm điều hay" bán đấu giá cây đào, cây mai lấy tiền giúp người nghèo ăn tết là do Đài truyền hình Tp. HCM HTV tổ chức hai năm liền (2007-08) ở hai đầu Hà Nội và Tp. HCM, những người trả giá cao nhất, rộng rãi nhất là các doanh nhân phía Nam.

Hệ quả thứ hai của tính trọng nghĩa là tính hiếu khách. Do trọng nghĩa, hào hiệp, lại được thiên nhiên ưu đãi, trong khi lại đất rộng người thưa nên bất cứ người Việt nào đến đây cũng đều là bạn. Đại nam nhất thống chí có viết về người Nam Bộ: "Ưu đãi khách không kể tốn phí". Theo ghi chép của Trịnh Hoài Đức thì "Ở Gia Định có khách đến nhà, đầu tiên gia chủ dâng trà cau, sau dâng cơm bánh, tiếp đãi trọng hậu, không kể người thân sơ quen lạ, tông tích ở đâu, ắt đều khoan nạp khoản đãi, cho nên người đi chơi không cần đem tiền gạo theo" [Trịnh Hoài Đức 1820/1998].

Hệ quả thứ ba của tính trọng nghĩa là tính thẳng thắn, bộc trực. Người Nam Bộ nghĩ sao nói vậy, không quá giữ kẽ, quanh co úp mở, vòng vo như người Bắc Bộ: Ví dầu cầu ván đóng đinh, Cầu tre lắt léo gập ghềnh khó đi, Khó đi mượn chén ăn cơm, Mượn ly uống rượu, mượn đàn kéo chơi. Họ yêu trung ghét nịnh; phò trung phạt nịnh; phò chánh trừ tà; ân oán phân minh (ss phong trào đền ơn đáp nghĩa sau 1975). Người Nam Bộ có tác phong rõ ràng, dứt khoát: nói như rửa chén xuống đất; làm ra làm, chơi ra chơi; làm thì làm tới chết bỏ, còn ăn chơi thì phải xả láng mới đáng mặt; chính do vậy mới có cái văn hoá nhậu tới xỉn, "dồ trăm phần trăm"!

## 5. Tính thiết thực

Tính thiết thực của người Việt Nam Bộ có nguồn gốc từ tính thiết thực (một sản phẩm của đặc trưng thiên về âm tính) của truyền thống văn hóa dân tộc (*Trời đánh còn tránh miếng ăn; Có thực mới vực được đạo*) kết hợp với *tính thực dụng* của truyền thống văn hoá phương Tây.

Tính thiết thực Nam Bộ biểu hiện ở việc trọng nội dung hơn hình thức: Người Nam Bộ ăn, mặc, ở, tư duy, giao tiếp đều rất mộc mạc, giản dị, không cầu kỳ: *Thương em chẳng biết để đâu, Để trong cái hũ lâu lâu lại dòm*. Sách *Đại nam nhất thống chí* ghi: "Sĩ phu [Nam Bộ] ham đọc sách cốt yếu để hiểu rõ nghĩa lý mà lại vựng văn từ" [Trần Văn Giàu... 1998: 114]. Thơ Lục Vân Tiên được yêu thích rộng rãi mặc dù không chau chuốt là do có nội dung phù hợp.

Tính thiết thực Nam Bộ còn biểu hiện ở việc trọng cụ thể hơn trừu tượng: Dân ca Nam Bộ đi vào những chủ đề rất cụ thể, gần gũi như *Lý con sáo, Lý ngựa ô, Lý con cua, Lý con lươn, Lý con mèo, Lý bánh ít, Lý cái kéo, Lý vá áo*, v.v. Trong điều khắc trang trí có khuynh hướng dùng những động vật, hoa lá gần gũi với cuộc sống hàng ngày (như con cua, con cá...) thay cho những con vật trong bộ tứ linh kinh điển. Trong giao tiếp, người Nam Bộ thích diễn đạt một cách cụ thể và sinh động: *kéo cái rọc, tát cái bốp; quá cỡ thợ mộc, quá trời quá đất, hết chỗ chê, hết biết luôn...* Giàu hình ảnh: *bồ nhí* (nhân tình nhỏ tuổi), *mánh mung* (thủ đoạn), *hết sẩy* (nhất hạng), *xả láng* (hết cỡ), *mệt nghỉ* (đã đời), *hết xí quách* (kiệt sức), *đớp hít* (ăn hút), *quậy* (phá); *mát trời ông địa, tầm lum tà la, ba trợn ba trạo, hết trơn hết trọi...*

Ngay cả vị thần Nam Bộ điển hình là ông Địa cũng rất thiết thực, dân dã: Ông mặc áo bà ba không gài nút, phanh bụng, chít khăn xéo, cầm quạt mo, hút thuốc rê, ăn chuối sứt, ăn xoài, v.v. Ông rất yêu đời và dễ tính, hay cười.

Hệ quả thứ nhất của tính thiết thực là khuynh hướng đơn giản hóa trong biểu trưng ước lệ nghệ thuật: Nghệ thuật ngôn từ Nam Bộ phát triển tối đa kiểu biểu trưng ước lệ ở dạng liên tưởng đồng âm, gần âm: Mâm ngũ quả gồm mãng cầu + quả sung + quả dứa + đu đủ + quả xoài với ý nghĩa "cầu sung vừa đủ xài". Trong phong tục hôn nhân ăn bánh *hỏi* để xem nhà gái có ưng gả con không; khi công việc đã xong, ăn bánh *xếp* hoặc dọn món *suông* ngụ ý công việc đã dàn *xếp* xong *xuôi*; dọn bánh *rán* để mọi người *ráng* sức. Khi đầy tháng bé gái thì ăn chè *viên* để lớn lên bé có *duyên*!

Hệ quả thứ hai của tính thiết thực là tinh thần trọng võ, trọng làm ăn buôn bán hơn văn chương. Cuộc sống đầy bất trắc (cọp beo, giặc cướp) nên phải có sức khỏe: Lục Vân Tiên tuy là học trò nhưng giỏi võ. Tính từ Gia Long đến giữa thời Tự Đức, sách *Đại nam nhất thống chí* liệt kê được 26 nhân vật Gia Định, trong đó có 13 võ tướng và 12 quan văn (ở Bắc Bộ do truyền thống trọng văn mà trong suốt lịch sử, quan văn luôn nhiều hơn quan võ một cách áp đảo). Lưu dân vào Nam Bộ phần đông là dân nghèo,

không phải để học hành mà là để làm ăn: *Nhân chi sơ tay rờ cơm nguội, Tính bản thiện cái miệng đòi ăn.*

Hệ quả thứ ba của tính thiết thực là tính trong hài hước nhẹ nhàng hơn triết lý sâu xa. Người Nam Bộ thích kịch "trong nhà ngoài phố" hơn kịch tâm lý, chính luận. Thích nói xạo, nói dỏc, nói trạng đơn giản nhẹ nhàng kiểu chuyện ông Ó ở Bến Tre, chuyện Ba Phi ở Minh Hải (*cọp xay lúa, heo đi cây...*) chứ không thâm thúy như chuyện Trạng Quỳnh, Trạng Lợn Bắc Bộ.

Hệ quả thứ tư là tính vừa phải. Làm vừa phải: *Cầu sung vừa đủ xài*. Nhu cầu vừa phải: chỉ cần chai rượu với vài quả ổi xanh cũng có thể nhậu với nhau cả buổi được rồi. Ngay cả tiêu chuẩn chọn chồng cũng vừa phải: *Củi khô để nấu, chồng xấu để xài*. Chấp nhận cái xấu vừa phải: *Ai đi đâu đấy hỏi ai, Tôi đi mua rượu cho chồng tôi say, Chồng say thật khổ lắm thay, Khổ thì tôi chịu, hơn ai không chồng*. Thị hiếu vừa phải: thích "chuyện trong nhà ngoài phố", cải lương mùi mẫn hơn kịch, phim tâm lý sâu sắc phải suy nghĩ mệt óc. Học hành vươn lên vừa phải, đủ dùng thì thôi, ít người ham học cao (xét theo hai tiêu chí là "số người có trình độ đại học trở lên" và "tỷ lệ nhập học của các cấp giáo dục" thì miền Tây Nam Bộ đều đứng thứ 8 trong tổng số 8 vùng của cả nước [Trần Ngọc Thêm 2007]).

Tính vừa phải này thoát nhìn có vẻ giống *tính ưa hài hoà* của người Việt truyền thống và Bắc Bộ, song thực ra là khác: ưa hài hoà là dù đang ở trạng thái thấp hơn hay cao hơn thì cũng bỏ để hướng về chỗ giữa; còn vừa phải là từ thấp vươn lên đến một chỗ nhất định thì chấp nhận dừng lại, không vươn lên nữa.

Tính vừa phải cùng môi trường sống thuận tiện dẫn đến hệ quả thứ năm là tâm lý tam bợ, đến đâu hay đến đó, sống bữa nay không cần tính ngày mai. Một người đập xích lô kiếm từng đồng, nhưng được đồng nào vẫn tiêu hết đồng ấy, không cần dành dụm, ăn hết rồi kiếm tiếp sau. Sáng sáng vẫn chờ "má sắp nhỏ" cùng lũ con ra ngồi quán. Chiều chiều, vẫn "lai rai" nhâm nhi ly bia với bịch đậu phụng, tôm khô, củ kiệu: *Vô tư đi!*

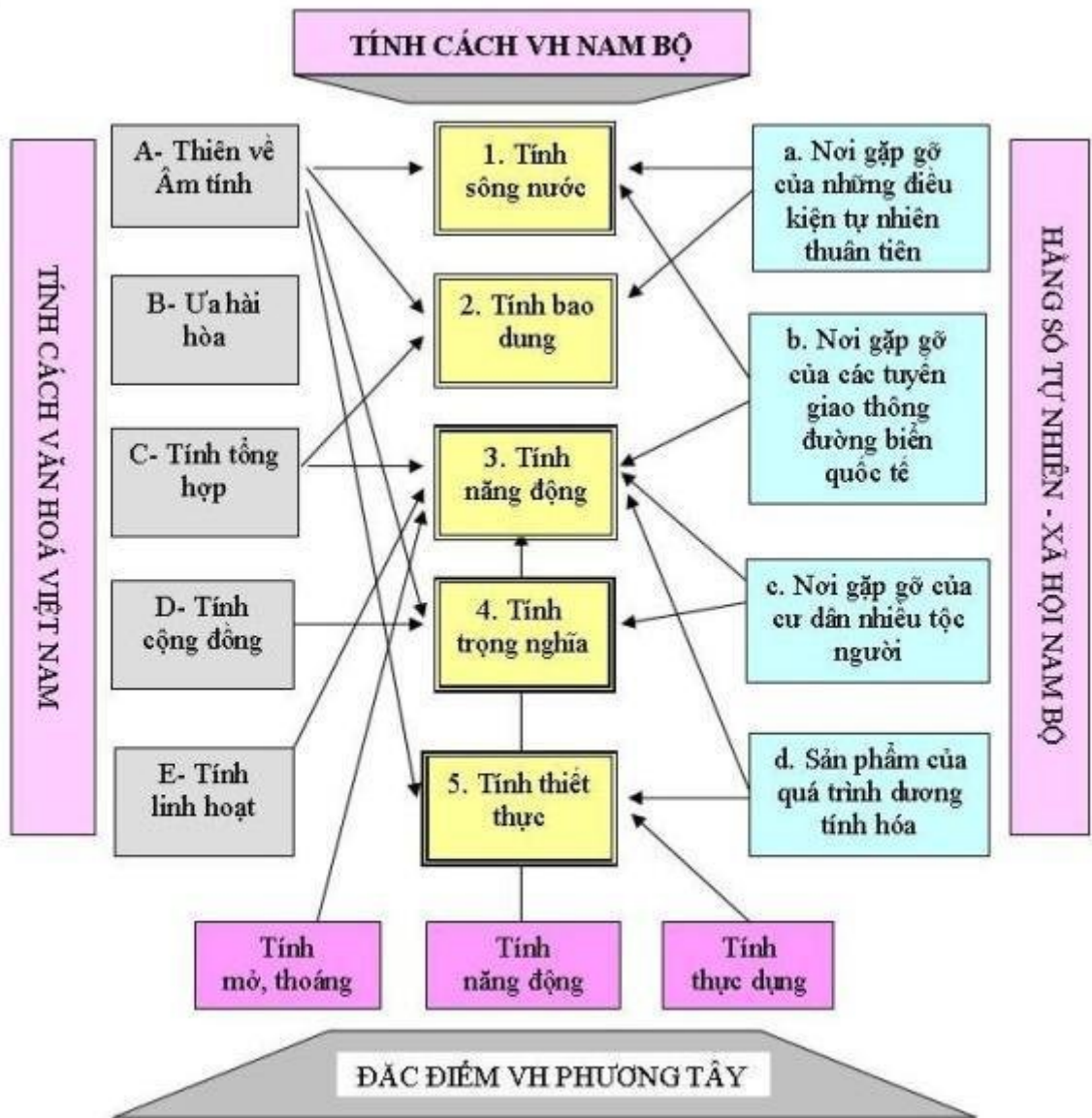
\*\*\*

Hệ thống năm đặc trưng tính cách văn hoá người Việt Nam Bộ với các hệ quả của chúng được trình bày trong bảng sau:

Stt	ĐẶC TRƯNG	HỆ QUẢ
1.	Tính sông nước	<ol style="list-style-type: none"> <li>Giao thông đường thủy rất phát triển</li> <li>Thủy sản và động thực vật sông nước là thức ăn chủ lực</li> <li>Phương ngữ Nam Bộ rất giàu các từ ngữ chỉ các sự vật, khái niệm liên quan đến nước</li> <li>Sông nước trở thành cơ sở, hình ảnh để diễn đạt tính cách con người</li> </ol>
5.	Tính bao dung	<ol style="list-style-type: none"> <li>Các tộc người ở xen lẫn nhau mà vẫn thừa nhận và tôn trọng phong tục tập quán của nhau</li> <li>Các tôn giáo khác nhau vẫn tôn trọng nhau và cùng tồn tại với mật độ cao nhất nước</li> <li>Dung nạp được những tính cách trái ngược nhau với biên độ khá rộng</li> </ol>
4.	Tính năng động	<ol style="list-style-type: none"> <li>Khả năng dễ tiếp nhận cái mới</li> <li>Tính sáng tạo</li> <li>Sự phát triển của thương nghiệp</li> <li>Khả năng dám làm ăn lớn</li> </ol>
5.	Tính trọng nghĩa	<ol style="list-style-type: none"> <li>Tính hào hiệp, sống hết mình, sẵn sàng đùm bọc, sẻ chia</li> <li>Tính hiếu khách</li> <li>Tính thẳng thắn, bộc trực</li> </ol>
4.	Tính thiết thực	<ol style="list-style-type: none"> <li>Khuynh hướng đơn giản hóa trong biểu trưng ước lệ nghệ thuật</li> <li>Tinh thần trọng võ, trọng làm ăn buôn bán hơn văn chương</li> <li>Tính trọng hài hước nhẹ nhàng hơn triết lý sâu xa</li> <li>Tính vừa phải</li> <li>Tâm lý tạm bợ</li> </ol>

Hệ thống năm đặc trưng này theo chúng tôi là cần và đủ để xác định tính cách văn hoá người Việt Nam Bộ. Chúng đủ điển hình để chi phối mọi biểu hiện tính cách văn hoá khác.

Mối quan hệ giữa hệ thống năm đặc trưng tính cách văn hoá người Việt Nam Bộ với các nguồn gốc của nó là hệ thống năm tính cách của văn hoá Việt Nam, bốn hằng số tự nhiên - xã hội Nam Bộ và ba đặc điểm của văn hoá phương Tây ảnh hưởng đến Nam Bộ, có thể trình bày trong hình sau:



Hình 1: Nguồn gốc hệ thống tính cách văn hoá Nam Bộ

## TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Nguyễn Công Bình... 1990: Nguyễn Công Bình, Lê Xuân Diệm, Mạc Đường: *Văn hoá và cư dân đồng bằng sông Cửu Long*. - H.: NXB KHXH.
2. Thạch Phương... 1992: Thạch Phương, Hồ Lê, Huỳnh Lứa, Nguyễn Quang Vinh: *Văn hoá dân gian người Việt ở Nam Bộ*. - H.: NXB KHXH.
3. Trần Ngọc Thêm 2001: *Bản sắc văn hóa Việt Nam trước ngưỡng cửa thiên niên kỷ mới*. - Trong sách: Văn hóa Việt Nam - đặc trưng và cách tiếp cận (Lê Ngọc Trà chủ biên), NXB Giáo dục, tr. 292-301.
4. Trần Ngọc Thêm 2007: *Khu vực Nam Bộ và tình hình nghiên cứu KHXH&NV Nam Bộ*. - [http://www.vanhoahoc.edu.vn/site/index.php?option=com\\_content&task=view&id=81&Itemid=74](http://www.vanhoahoc.edu.vn/site/index.php?option=com_content&task=view&id=81&Itemid=74)
5. Trần Văn Giàu... 1998: Trần Văn Giàu, Trần Bạch Đằng: *Địa chí văn hoá Thành phố Hồ Chí Minh, tập IV: Tư tưởng và tín ngưỡng*. - NXB Tp. HCM.
6. Trần Xuân Ngọc Lang 1995: *Phương ngữ Nam Bộ*. - H.: NXB KHXH.
7. Trịnh Hoài Đức 1820/1998: *Gia Định thành thông chí*. - H.: NXB Giáo dục (phối hợp với Viện Sử học).

---

[1] Về hệ thống tính cách văn hoá người Việt, xin xem: [Trần Ngọc Thêm 2001].

[2] Món thứ ba là thịt heo luộc.

[3] Rau thơm, rau cải, rau càng cua, rau cọt, rau dứa, rau đắng, rau ngễ, rau ngổ, rau muống; lá lốt, lá me, lá nghệ; đọt chiếu, đọt vừng, đọt xoài; giá; bông súng; bắp chuối; trái xoài, trái khế, trái bần chín...

**GS. Trần Ngọc Thêm**

(Đại học Quốc gia Tp. HCM)

**(Nguồn : vanhoahoc.edu.vn)**